

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024 (SAU CHỈNH LÝ)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Học viện Chính trị khu vực III công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2024 (sau chỉnh lý) như sau:

Đvt: Triệu đồng

| Số TT     | Nội dung                                              | Dự toán năm | Ước thực hiện năm | Ước thực hiện năm/Dự toán năm (%) | Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (%) | Thực hiện năm trước |
|-----------|-------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi từ nguồn sự nghiệp</b>            |             |                   |                                   |                                                    |                     |
| <b>1</b>  | <b>Số thu sự nghiệp</b>                               | -           | 28.529            |                                   | 111,41                                             | 25.607              |
| 1.1       | Thu đào tạo không tập trung                           | -           | 24.506            |                                   | 110                                                | 22.298              |
| 1.2       | Thu sự nghiệp khác                                    | -           | 4.023             |                                   | 122                                                | 3.309               |
| <b>2</b>  | <b>Số chi sự nghiệp</b>                               |             | 17.446            |                                   |                                                    | 15.136              |
|           | Trong đó: trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương   | -           | 4.141             |                                   |                                                    |                     |
| 2.1       | Chi hoạt động kinh doanh, dịch vụ                     | -           | 17.326            |                                   | 115                                                | 15.130              |
| 2.2       | Chi hoạt động tài chính                               | -           | 28                |                                   |                                                    |                     |
| 2.3       | Chi khác                                              |             | 92                |                                   | 1.533                                              | 6                   |
| <b>II</b> | <b>Nguồn ngân sách nhà nước</b>                       | 85.833      | 70.770            | 82                                | 112                                                | 62.988              |
| <b>1</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>      | 82.710      | 67.740            | 82                                | 111                                                | 60.814              |
| 1.1       | Chi đào tạo khác trong nước (070-083)                 | 82.410      | 67.740            | 82                                | 112                                                | 60.727              |
| -         | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ            | 24.569      | 10.487            | 43                                | 363                                                | 2.886               |
|           | Trong đó: -Số tiết kiệm cắt giảm 5% chi thường xuyên  | 345         |                   |                                   |                                                    |                     |
|           | - Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ                      | 24.224      | 10.487            | 43                                | 363                                                | 2.886               |
| -         | Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ                  | 57.841      | 57.253            | 99                                | 99                                                 | 57.841              |
|           | Trong đó: - Số tiết kiệm cắt giảm 5% chi thường xuyên | 588         |                   |                                   |                                                    |                     |
|           | -Chi thường xuyên giao tự chủ                         | 57.253      | 57.253            | 100                               | 99                                                 | 57.841              |

| Số TT | Nội dung                                                  | Dự toán năm | Ước thực hiện năm | Ước thực hiện năm/Dự toán năm (%) | Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (%) | Thực hiện năm trước |
|-------|-----------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|
| 1.2   | Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (070-085)        | 300         |                   |                                   | -                                                  | 87                  |
| -     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                            |             |                   |                                   |                                                    |                     |
| -     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                      | 300         |                   |                                   | -                                                  | 87                  |
| 2     | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (100-102 ) | 3.123       | 3.030             | 97                                | 172                                                | 2.174               |
| -     | Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                        | 1.760       | 1.676             | 95                                | 172                                                | 973                 |
| -     | Nhiệm vụ Khoa học công nghệ cấp cơ sở                     | 1.363       | 1.354             | 99                                |                                                    | 1.201               |

Ngày tháng năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Dũng Anh*

**Nguyễn Dũng Anh**

